

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Hưng, ngày tháng 6 năm 2026

**ĐỀ ÁN
SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐÔNG HUNG NĂM 2026**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Kế hoạch số 197./KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về triển khai sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Phương án số 97/PA-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026, Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng xây dựng Đề án sắp xếp thôn năm 2026 như sau:

**Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP XẾP THÔN**

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới;
2. Kết luận số 34-KL/TW ngày 18/5/2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;
3. Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
5. Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;
6. Kế hoạch số 197./KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về triển khai sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

7. Phương án số 97/PA-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

8. Căn cứ Thông báo số 207-TB/ĐU ngày 01/6/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ về việc đồng ý chủ trương sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Đông Hưng; Thông báo số 209/TB/KL ngày 08/6/2026 của Ban chấp hành Đảng bộ về dự thảo Đề án sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Đông Hưng.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP SẮP XẾP THÔN

1. Xuất phát từ thực trạng tổ chức và hoạt động của thôn trên địa bàn

Xã Đông Hưng có diện tích tự nhiên là 24,95km², với 14.990 hộ gia đình và 48.163 người. Trên địa bàn xã, phường có 35 thôn, 70 người hoạt động không chuyên trách tại các thôn. Hiện nay, có 18 thôn có số quy mô dân số đạt từ 400 hộ gia đình trở lên; có 17 thôn có quy mô số hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định 400 hộ gia đình; như vậy hầu hết các thôn trên địa bàn có quy mô quá nhỏ, không đảm bảo điều kiện về quy mô số hộ gia đình theo quy định.

2. Xuất phát từ yêu cầu thực tế

- Xuất phát từ thực tế sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025, số lượng thôn trên địa bàn xã tăng lên nhiều, tạo áp lực quản lý lớn đối với chính quyền địa phương ở cơ sở.

- Từ tình hình thực tế của thôn hiện nay:

+ Một số thôn có quy mô dân số nhỏ, diện tích phân tán, chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định; gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động cộng đồng.

+ Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng tại các thôn quy mô nhỏ còn dãn trải, hiệu quả sử dụng nguồn lực chưa cao, dễ dẫn đến lãng phí ngân sách.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn là thực hiện theo nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với các chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế ở địa phương.

- Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn làm giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn và người trực tiếp tham gia công việc tại thôn, tinh gọn bộ máy, kiện toàn nâng cao chất lượng của người hoạt động không chuyên trách thôn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Phần II

HIỆN TRẠNG SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ ĐÔNG HƯNG

1. Hiện trạng số lượng thôn

1.1. Tổng số thôn: 35;

1.2. Số hộ gia đình của các thôn: 14.990 hộ.

1.3. Số dân của các thôn: 48.163 người.

2. Số lượng thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

1.1. Số thôn chưa đủ tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình: 17;

1.2. Số thôn sắp xếp, tổ chức lại: 24;

1.3. Số thôn giải thể do sắp xếp, tổ chức lại thôn: 03

3. Số lượng thôn không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

Tổng số thôn: 08, trong đó:

3.1. Số thôn đảm bảo tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình theo quy định: 08;

3.2. Số thôn chưa đạt tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình nhưng không sắp xếp do có yếu tố đặc thù:

+ Số lượng: 0 thôn.

(Số liệu chi tiết tại phụ lục 1A, 1B kèm theo Đề án)

Phần III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ ĐÔNG HƯNG

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN

1. Tách phần diện tích thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại Đà Giang hiện thuộc thôn Đà Giang để nhập vào thôn 4 và thôn 5. (Khu nhà ở thương mại Đà Giang hiện chưa phát sinh hộ gia đình, nhân khẩu cư trú).

Lí do: Việc điều chỉnh phần diện tích thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại Đà Giang nhằm bảo đảm tính thống nhất về địa giới quản lý, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, thuận lợi cho công tác quản lý đất đai, hạ tầng kỹ thuật và dân cư khi dự án hoàn thành, đưa vào sử dụng; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp thôn gắn với định hướng phát triển xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 1**

- Các đơn vị tham gia sắp xếp:

+ Thôn 4.

+ Thôn 5.

+ Phần diện tích thuộc Dự án Khu nhà ở thương mại Đà Giang hiện thuộc thôn Đà Giang.

- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 668 hộ gia đình với 2.098 nhân khẩu gồm:

+ Thôn 4: 363 hộ gia đình với 1.131 nhân khẩu.

+ Thôn 5: 305 hộ gia đình với 967 nhân khẩu.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 15; phía Tây giáp thôn 5, phía nam giáp thôn 2, phía Bắc giáp thôn 16

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn 5**

- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục, tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa

2. Tách phần diện tích phía Tây trục Quốc lộ 10 thuộc thôn 1 và nhập khu vực dân cư Khu đô thị Tây Quốc lộ 10 vào thôn 2, thôn 3.

Lí do: Việc điều chỉnh khu vực phía Tây trục Quốc lộ 10 thuộc thôn 1 và bố trí các hộ dân đang sinh sống tại Khu đô thị Tây Quốc lộ 10 vào thôn mới nhằm bảo đảm tính thống nhất về địa giới quản lý, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ thuật; phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị và đáp ứng yêu cầu sắp xếp thôn gắn với định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 2**

- Các đơn vị tham gia sắp xếp:

+ Thôn 2

+ Thôn 3

+ Khu đô thị Tây QL 10

+ 24 hộ gia đình thuộc khu vực phía Tây trục Quốc lộ 10 của thôn 1.

- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 588 hộ gia đình với 1.786 nhân khẩu gồm:

+ Thôn 2: 229 hộ gia đình với 730 nhân khẩu.

+ Thôn 3: 222 hộ gia đình với 712 nhân khẩu.

+ Khu đô thị Tây QL 10: 113 hộ gia đình với 259 nhân khẩu.

+ Phần diện tích Phía tây Trục QL 10 thuộc thôn 1: 24 hộ gia đình với 85 nhân khẩu.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 15; phía Tây giáp thôn 5, phía nam giáp thôn 4, phía Bắc giáp thôn 1

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn 2**

- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liên kề, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội; việc sắp xếp bảo đảm tính liên kết không gian dân cư, phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, đáp ứng yêu cầu quản lý và phục vụ đời sống Nhân dân sau sắp xếp.

3. Tách một phần thôn 1 gồm 135 hộ gia đình phía Đông đường Quốc lộ 10 để nhập vào thôn Phong Lôi Đông.

Lí do: Việc tách một phần dân cư thuộc thôn 1 phía Đông đường Quốc lộ 10 để sáp nhập vào thôn Phong Lôi Đông nhằm bảo đảm tính thống nhất về địa giới quản lý, phù hợp với thực tế phân bố dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ thuật; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại thôn gắn với định hướng phát triển đô thị và xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 3**

- Các đơn vị tham gia sắp xếp:

+ Thôn Phong Lôi Đông.

+ 125 hộ gia đình phía Đông đường QL 10 thuộc thôn 1

- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 574 hộ gia đình với 1.789 nhân khẩu gồm:

+ Thôn Phong Lôi Đông: 449 hộ gia đình với 1.425 nhân khẩu.

+ Một phần phía Đông đường QL 10 thuộc thôn 1: 125 hộ gia đình với 364 nhân khẩu.

- Các thôn liên kề: Phía Đông giáp thôn 12; phía Tây giáp thôn 4, phía nam giáp thôn 8, phía Bắc giáp thôn 2

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Phong Lôi Đông**

- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liên kề, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

4. Tách một phần thôn 1 gồm 61 hộ gia đình phía Tây đường Quốc lộ 10 để nhập vào thôn Phong Lôi Tây.

Lí do: Việc tách một phần dân cư thuộc thôn 1 phía Tây đường Quốc lộ 10 để sáp nhập vào thôn Phong Lôi Tây nhằm bảo đảm sự phù hợp về địa giới quản lý, phù hợp với thực tế phân bố dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư,

đất đai, hạ tầng kỹ thuật; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại thôn gắn với định hướng phát triển đô thị và xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 4**
- Các đơn vị tham gia sắp xếp:
 - + Thôn Phong Lôi Tây.
 - + 71 hộ gia đình thuộc khu vực phía Tây đường Quốc lộ 10 của thôn 1.
- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 582 hộ gia đình với 1.859 nhân khẩu gồm:
 - + Thôn Phong Lôi Tây: 521 hộ gia đình với 1.628 nhân khẩu.
 - + Phía Tây đường QL 10 thuộc thôn 1: 61 hộ gia đình với 231 nhân khẩu.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 3; phía Tây giáp thôn 5, phía nam giáp thôn 8, phía Bắc giáp thôn 2
- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Phong Lôi Tây**
- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

5. Nhập thôn Hồng Phong, thôn Phan Thanh, thôn Đông Khê

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn là: **Thôn 5**
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 899 hộ gia đình
 - + Số nhân khẩu: 3.070 người; trong đó: 69 đảng viên.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 1, thôn 2 và thôn 4; phía Tây giáp thôn 7, phía nam giáp 8, phía Bắc thôn 6
- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Phan Thanh**
- Các điều kiện khác như: Các thôn tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về lịch sử hình thành, điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp

xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư, bảo đảm quy mô thôn phù hợp theo quy định. Các thôn Hồng Phong, Phan Thanh và Đông Khê có vị trí địa lý liền kề, có mối liên hệ chặt chẽ trong đời sống sinh hoạt cộng đồng, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức hoạt động của thôn; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

6. Nhập thôn Đà Giang và thôn Trần Phú

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn là: **Thôn 6**
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:
 - + Số hộ gia đình: 646 hộ gia đình
 - + Số nhân khẩu: 2.176 người; trong đó: 61 đảng viên.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 16; phía Tây giáp xã Bắc Đông Hưng, phía Nam giáp thôn 7, phía Bắc giáp thôn 17
- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Đà Giang**
- Các điều kiện khác như: Các thôn tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về lịch sử hình thành, điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư, bảo đảm quy mô thôn phù hợp theo quy định. Thôn Đà Giang và thôn Trần Phú có vị trí địa lý liền kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, có mối liên hệ chặt chẽ trong đời sống sinh hoạt cộng đồng dân cư; việc sáp nhập tạo thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

7. Nhập thôn Đề Quang, thôn Lê tiến và thôn Bắc Lạng

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn là: **Thôn 7**
- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 836 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.698 người; trong đó: 77 đảng viên.

- Các thôn liên kề: Phía Đông giáp thôn 5; phía Tây và phía Nam giáp xã Đông Tiên Hưng, phía Bắc giáp thôn 6

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Đề Quang**

- Các điều kiện khác như: Các thôn tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liên kề, có sự tương đồng về lịch sử hình thành, điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư, bảo đảm quy mô thôn phù hợp theo quy định. Các thôn Đề Quang, Lê Tiến và Bắc Lạng có vị trí địa lý liên kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, có mối liên hệ chặt chẽ trong đời sống sinh hoạt cộng đồng dân cư; việc sáp nhập tạo thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

8. Nhập thôn Long Bồi và thôn Long Bồi Đông

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn là: **Thôn 8**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 800 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 2.532 người; trong đó: 59 đảng viên.

- Các thôn liên kề: Phía Đông giáp thôn 9; phía Tây giáp xã Đông Tiên Hưng, phía Nam giáp Nam Đông Hưng, phía Bắc giáp thôn 4

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Long Bồi**

- Các điều kiện khác như: Các thôn tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liên kề, có sự tương đồng về lịch sử hình thành, điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy hiệu quả các nguồn lực đầu tư, bảo đảm quy mô thôn phù hợp theo quy định. Thôn Long Bối và thôn Long Bối Đông có vị trí địa lý liền kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, có mối liên hệ chặt chẽ trong đời sống sinh hoạt cộng đồng dân cư; việc sáp nhập tạo thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

9. Tách một phần của thôn Đông Các gồm 245 hộ gia đình để nhập vào thôn Nam Quán.

Lí do: Việc tách một phần dân cư thuộc thôn Đông Các để sáp nhập vào thôn Nam Quán nhằm bảo đảm sự phù hợp về địa giới quản lý, phù hợp với thực tế phân bố dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ thuật; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại thôn gắn với định hướng phát triển đô thị và xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 9**
- Các đơn vị tham gia sắp xếp:
 - + Thôn Nam Quán.
 - + 245 hộ gia đình thuộc thôn Đông Các
- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 661 hộ gia đình với 2.088 nhân khẩu gồm:
 - + Thôn Nam Quán: 416 hộ gia đình với 1.300 nhân khẩu.
 - + Một phần thôn Đông Các: 245 hộ gia đình với 788 nhân khẩu.
- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Bắc Đông Quan; phía Tây, phía nam giáp xã Nam Đông Hưng, phía Bắc giáp thôn 10, thôn 11
- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Nam Quán**
- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán và đời sống văn hóa; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi; cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân và phù hợp với định hướng phát triển đô thị của địa phương.

10. Tách phần một phần của thôn Đông Các gồm 288 hộ gia đình để nhập vào thôn Nam Hải.

Lí do: Việc tách một phần dân cư thuộc thôn Đông Các để sáp nhập vào thôn Nam Hải nhằm bảo đảm sự phù hợp về địa giới quản lý, phù hợp với thực tế phân bố dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ

thuật; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại thôn theo hướng tinh gọn bộ máy cơ sở, phù hợp định hướng phát triển đô thị và xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 10**

- Các đơn vị tham gia sắp xếp:

+ Thôn Nam Hải.

+ 288 hộ gia đình thuộc thôn Đông Các

- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 618 hộ gia đình với 1.935 nhân khẩu gồm:

+ Thôn Nam Hải: 330 hộ gia đình với 1.052 nhân khẩu.

+ Một phần thôn Đông Các: 288 hộ gia đình với 883 nhân khẩu.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 11; phía Tây và phía Nam giáp thôn 9, phía Bắc giáp thôn 12

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Đông Các**

- Các điều kiện khác như: Lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, địa lý, điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và bảo đảm ổn định cuộc sống của người dân.

11. Tách một phần thôn Trung Lịch Động gồm 270 hộ gia đình và Khu đô thị Đông Các để nhập vào thôn Nam Lịch Động.

Lí do: Việc tách một phần dân cư thuộc thôn Trung Lịch Động và Khu đô thị Đông Các để sáp nhập vào thôn Nam Lịch Động nhằm bảo đảm sự phù hợp về địa giới quản lý, phù hợp với thực tế phân bố dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ thuật; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại thôn theo hướng tinh gọn bộ máy cơ sở, phù hợp định hướng phát triển đô thị và xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 11**

- Các đơn vị tham gia sắp xếp:

+ Thôn Nam Lịch Động.

+ 270 hộ gia đình thuộc thôn Trung Lịch Động

+ Khu đô thị Đông Các (*chưa phát sinh dân cư*).

- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 616 hộ gia đình với 1.992 nhân khẩu gồm:

+ Thôn Nam Lịch Động: 346 hộ gia đình với 1.080 nhân khẩu.

+ Một phần thôn Trung Lịch Động: 270 hộ gia đình với 912 nhân khẩu.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Bắc Đông Quan; phía Tây và phía Nam giáp thôn 10, phía Bắc giáp thôn 12

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Nam Lịch Động**

- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, cơ sở hạ tầng và thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

12. Tách phần một phần của thôn Trung Lịch Động gồm 60 hộ gia đình để nhập vào thôn Bắc Lịch Động.

Lí do: Việc tách một phần dân cư thuộc thôn Trung Lịch Động để sáp nhập vào thôn Bắc Lịch Động nhằm bảo đảm sự phù hợp về địa giới quản lý, phù hợp với thực tế phân bố dân cư, thuận lợi cho công tác quản lý dân cư, đất đai, hạ tầng kỹ thuật; đồng thời đáp ứng yêu cầu sắp xếp, tổ chức lại thôn theo hướng tinh gọn bộ máy cơ sở, phù hợp định hướng phát triển đô thị và xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

- Tên gọi của các thôn sau khi sáp nhập là: **Thôn 12**

- Các đơn vị tham gia sắp xếp:

+ Thôn Bắc Lịch Động.

+ 60 hộ gia đình thuộc thôn Trung Lịch Động

- Quy mô dân số của thôn sau khi sáp nhập là 612 hộ gia đình với 2.047 nhân khẩu gồm:

+ Thôn Bắc Lịch Động: 552 hộ gia đình với 1865 nhân khẩu.

+ Một phần thôn Trung Lịch Động: 60 hộ gia đình với 182 nhân khẩu.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Bắc Đông Quan; phía Tây giáp thôn 3, phía Nam giáp thôn 10 và thôn 11, phía Bắc giáp thôn 13 và thôn 14

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Bắc Lịch Động**

- Các điều kiện khác như: Các khu vực tham gia sắp xếp có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về điều kiện kinh tế - xã hội, phong tục tập quán; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, cơ sở hạ tầng và thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

13. Đổi tên thôn Đồng Vi thành thôn 13

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 13.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 543 hộ gia đình với 1.749 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Bắc Đông Hưng; phía Tây giáp thôn 14, phía Nam giáp thôn 12, phía Bắc giáp thôn 22

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Đình làng Đồng Vi.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

14. Đổi tên thôn Bảo Châu thành thôn 14

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 14.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 629 hộ gia đình với 1.950 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 13; phía Tây giáp thôn 15, phía Nam giáp thôn 3 và thôn 12, phía Bắc giáp thôn 22

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Đình Làng Bảo Châu.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

15. Nhập thôn Đồng Lệ và thôn Anh Dũng

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn là: **Thôn 15**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 603 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 1.978 người; trong đó: 46 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 14; phía Tây giáp thôn 16, phía nam giáp thôn 2, phía Bắc giáp thôn 22

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Đình làng Đồng Lệ**

- Các điều kiện khác như: Hai thôn có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện kinh tế - xã hội; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, cơ sở vật chất và thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quy mô thôn phù hợp theo quy định. Thôn Đồng Lệ và thôn Anh Dũng có vị trí địa lý liền kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, có sự gắn kết trong sinh hoạt cộng đồng dân cư; việc sáp nhập tạo thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

16. Nhập thôn Cổ Dũng 2 vào thôn Cổ Dũng 1

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau sắp xếp

- Tên gọi của thôn là: **Thôn 16**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu của thôn sau khi sáp nhập gồm:

+ Số hộ gia đình: 896 hộ gia đình

+ Số nhân khẩu: 3.048 người; trong đó: 107 đảng viên.

- Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 15; phía Tây giáp thôn 6 và thôn 17, phía nam giáp thôn 1, phía Bắc giáp thôn 18

- Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn sau sắp xếp: **Nhà văn hoá thôn Cổ Dũng 2**

- Các điều kiện khác như: Hai thôn có vị trí địa lý liền kề, có sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện kinh tế - xã hội; hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, cơ sở vật chất và thiết chế văn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu tổ chức và hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân.

b) Lý do sắp xếp, tổ chức lại: Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn nhằm tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, bảo đảm quy mô thôn phù hợp theo quy định. Thôn Cổ Dũng 1 và thôn Cổ Dũng 2 có vị trí địa lý liền kề, điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, có sự gắn kết trong sinh hoạt cộng đồng dân cư; việc sáp nhập tạo thuận lợi cho công tác quản lý, đầu tư xây dựng hạ tầng, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

17. Đổi tên thôn Thuận Tuý thành thôn 17

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 17.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 855 hộ gia đình với 3.014 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 16; phía Tây giáp xã Bắc Tiên Hưng, phía Nam giáp thôn 6 và thôn 16, phía Bắc giáp thôn 18

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Nhà văn hoá Thôn Thuận Tuý.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

18. Đổi tên thôn Tân Sơn thành thôn 18

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 18.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 615 hộ gia đình với 1.988 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 19; phía Tây giáp xã Bắc Tiên Hưng, phía Nam giáp thôn 17 và thôn 16, phía Bắc giáp xã Quỳnh An

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Nhà văn hoá Thôn Tân Sơn.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

19. Đổi tên thôn Trung thành thôn 19

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 19.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 759 hộ gia đình với 2.310 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 20; phía Tây giáp thôn 18, phía Nam giáp thôn 22, phía Bắc giáp xã Quỳnh An

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Nhà văn hoá Thôn Trung.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

20. Đổi tên thôn Bắc thành thôn 20

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 20.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 689 hộ gia đình với 2.131 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp thôn 21 và xã Bắc Đông Hưng; phía Tây giáp thôn 19, phía Nam giáp thôn 22 và thôn 16, phía Bắc giáp xã Quỳnh An

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Nhà văn hoá Thôn Bắc.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

21. Đổi tên thôn Đông thành thôn 21

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 21.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 578 hộ gia đình với 1.719 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông và phía Bắc giáp xã Bắc Đông Hưng; phía Tây giáp thôn 19 và thôn 20; phía Nam giáp thôn 22.

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Nhà văn hoá Thôn Đông.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

22. Đổi tên thôn Nam thành thôn 22

a) Về đặc điểm, tình hình, quy mô thôn sau tổ chức lại

- Tên gọi của thôn sau tổ chức lại là: **Thôn 22.**

- Quy mô số hộ gia đình, nhân khẩu: 723 hộ gia đình với 2.206 nhân khẩu.

Các thôn liền kề: Phía Đông giáp xã Bắc Đông Hưng; phía Tây giáp thôn 15; phía Nam giáp thôn 13 và thôn 14, Phía Bắc giáp thôn 19 và thôn 21.

Nơi đặt trụ sở làm việc/Nhà văn hóa của thôn: **Nhà văn hoá Thôn Nam.**

Các điều kiện khác như: Thôn có địa giới hành chính ổn định, bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ hoạt động cộng đồng dân cư và đời sống Nhân dân.

b) Lý do tổ chức lại

Việc đổi tên thôn nhằm thống nhất hệ thống tên gọi các thôn trên địa bàn xã theo phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn; tạo thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, quản lý dân cư, địa giới hành chính và phù hợp với định hướng phát triển đô thị, xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

23. Giải thể thôn 1

Lý do: Thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã, toàn bộ dân cư và địa bàn thôn 1 được phân bổ, sáp nhập vào các thôn mới hình thành sau sắp xếp; do đó thôn 1 không còn đủ điều kiện để tiếp tục duy trì tổ chức thôn.

Nhập số hộ gia đình, nhân khẩu về các thôn như sau:

- Nhập 24 hộ gia đình, 85 nhân khẩu của thôn 1 vào thôn 2, thôn 3 và khu Đô thị Tây QL 10 để thành lập thôn 2. Sau sắp xếp, thôn 2 có 588 hộ gia đình, 1.786 nhân khẩu.

- Nhập 125 hộ gia đình, 364 nhân khẩu của thôn 1 vào thôn Phong Lôi Đông để thành lập thôn 3. Sau sắp xếp, thôn 3 có 574 hộ gia đình, 1.789 nhân khẩu.

- Nhập 61 hộ gia đình, 231 nhân khẩu của thôn 1 vào thôn Phong Lôi Tây để thành lập thôn 4. Sau sắp xếp, thôn 4 có 582 hộ gia đình, 1.859 nhân khẩu.

Tổng số chuyển từ thôn 1: 210 hộ gia đình, 680 nhân khẩu.

Sau khi phân bổ, toàn bộ dân cư và địa bàn thôn 1 đã được sắp xếp vào các thôn mới hình thành, không còn thôn 1.

24. Giải thể thôn Trung Lịch Động

Lý do: Thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã, toàn bộ dân cư và địa bàn thôn Trung Lịch Động được phân bổ, sáp nhập vào các thôn mới hình thành sau sắp xếp; do đó thôn Trung Lịch Động không còn đủ điều kiện để tiếp tục duy trì tổ chức thôn.

Nhập số hộ gia đình, nhân khẩu và địa bàn về các thôn như sau:

- Nhập 270 hộ gia đình, 912 nhân khẩu và phần diện tích liên quan vào thôn Nam Lịch Động để thành lập thôn 11.

Sau sắp xếp, thôn 11 có 626 hộ gia đình, 2.010 nhân khẩu.

- Nhập 60 hộ gia đình, 182 nhân khẩu và phần diện tích liên quan vào thôn Bắc Lịch Động để thành lập thôn 12. Sau sắp xếp, thôn 12 có 612 hộ gia đình, 2.047 nhân khẩu.

Tổng số chuyển đi: 330 hộ gia đình, 1.094 nhân khẩu.

Sau khi phân bổ, toàn bộ dân cư và địa bàn thôn Trung Lịch Động đã được sắp xếp vào các thôn mới hình thành, không còn thôn Trung Lịch Động.

25. Giải thể thôn Đông Các

Lý do: Thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã, toàn bộ dân cư và địa bàn thôn Đông Các được phân bổ, sáp nhập vào các thôn mới hình thành sau sắp xếp; do đó thôn Đông Các không còn đủ điều kiện để tiếp tục duy trì tổ chức thôn.

Nhập số hộ gia đình, nhân khẩu và địa bàn về các thôn như sau:

- Nhập 250 hộ gia đình, 788 nhân khẩu vào thôn Nam Quán để thành lập thôn 9. Sau sắp xếp, thôn 9 có 666 hộ gia đình, 2.088 nhân khẩu.

- Nhập 283 hộ gia đình, 883 nhân khẩu vào thôn Nam Hải để thành lập thôn 10. Sau sắp xếp, thôn 10 có 13 hộ gia đình, 1.935 nhân khẩu.

- Điều chỉnh phần diện tích thuộc Khu đô thị Đông Các (chưa phát sinh dân cư) vào thôn 11.

Tổng số chuyển đi: 533 hộ gia đình, 1.671 nhân khẩu.

Sau khi phân bổ, toàn bộ dân cư và địa bàn thôn Đông Các đã được sắp xếp vào các thôn mới hình thành, không còn thôn Đông Các.

(có phụ lục 2A, 2B kèm theo Đề án)

II. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ

Trước khi sắp xếp xã Đông Hưng có 35 thôn. Sau khi sắp xếp, xã còn 22 thôn giảm 13 thôn.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, CÁC CHỨC DANH KHÁC CÓ LIÊN QUAN VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN

1. Thực trạng người hoạt động không chuyên trách và người trực tiếp tham gia công việc của thôn và các chức danh khác có liên quan

1.1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn

Tổng số 70 người, trong đó:

- Chia ra cụ thể theo các chức danh: Bí thư Chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận là 35 người; Trưởng thôn 35 người.

- Chia theo độ tuổi:

+ Dưới 40 tuổi: 0 người;

+ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 07 người;

+ Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 14 người;

+ Từ 60 tuổi trở lên: 49 người (trong đó trên 70 tuổi: 08 người).

- Chia theo trình độ đào tạo:

+ Trên đại học: 0 người

+ Đại học: 7 người

+ Cao đẳng: 03 người

+ Trung cấp: 24 người

+ Phổ thông: 37 người

1.2. Người trực tiếp tham gia công việc của thôn đang hưởng theo các quy định của tỉnh Hưng Yên cũ và tỉnh Thái Bình cũ

Tổng số 164 người, trong đó:

- Chia ra cụ thể theo các chức danh quy định tại Nghị quyết 439/2023/NQ-HĐND (tỉnh Hưng Yên cũ) và tại Nghị quyết 31/2024/NQ-HĐND (tỉnh Thái Bình cũ):

+ Phó Bí thư chi bộ: 13 người

+ Phó Trưởng thôn: 34 người

+ Bí thư chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: 34 người

+ Chi hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ: 30 người

+ Chi hội trưởng Hội Nông dân: 20 người

- + Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh: 33 người
- Chia theo độ tuổi:
 - + Dưới 40 tuổi: 37 người
 - + Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi: 9 người
 - + Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi: 29 người
 - + Trên 60 tuổi: 89 người (trong đó trên 70 tuổi 29 người).
- Chia theo trình độ đào tạo: Trên đại học, đại học, cao đẳng, trung cấp, phổ thông
 - + Trên đại học: 0 người
 - + Đại học: 11 người
 - + Cao đẳng, trung cấp: 23 người
 - + Phổ thông: 73 người

1.3. Các trường hợp người tham gia công việc khác của thôn đang hưởng phụ cấp/bồi dưỡng theo các quy định của Trung ương, tỉnh.

Tổng số 100 người, trong đó: có 55 người không kiêm nhiệm các chức danh khác cụ thể:

Tổ an ninh trật tự ở cơ sở: 30 người

Thôn đội trưởng: 25 người

1.4. Đánh giá chung về số lượng, hoạt động của các chức danh người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và người tham gia công việc khác của thôn

Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và người tham gia công việc khác của thôn cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân và các nhiệm vụ ở khu dân cư. Phần lớn các chức danh hiện nay được bố trí kiêm nhiệm, góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động và tiết kiệm kinh phí.

Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho việc bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ thôn theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô dân cư, nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức hoạt động tại cộng đồng dân cư.

2. Phương án sắp xếp, bố trí sau sắp xếp, tổ chức lại thôn

2.1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức sau sắp xếp thôn

- Tổ chức thôn sau sắp xếp bao gồm:

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Đông Hưng, toàn xã còn 22 thôn. Tổ chức của mỗi thôn được bố trí theo quy định hiện hành,

gồm: 01 Bí thư Chi bộ, 01 Trưởng thôn và 01 Trưởng Ban công tác Mặt trận. Các chức danh được lựa chọn, bố trí bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, năng lực, uy tín và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Đối với các tổ chức đoàn thể ở thôn như Chi hội Nông dân, Chi hội Phụ nữ, Chi hội Cựu chiến binh, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Người cao tuổi và các tổ chức khác, thực hiện việc hợp nhất, kiện toàn tổ chức và nhân sự tương ứng với các thôn sau sắp xếp theo quy định của Điều lệ từng tổ chức và hướng dẫn của cơ quan cấp trên. Việc kiện toàn bảo đảm đồng bộ với quá trình sắp xếp thôn, phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- *Đối với Chi bộ thôn:*

Hiện nay, trên địa bàn xã có 35 chi bộ thôn tương ứng với 35 thôn. Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn, toàn xã còn 22 thôn, tương ứng 22 chi bộ thôn.

- Thôn không có chi bộ để lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động: Không.

- Thôn có 01 chi bộ: 22 thôn.

- Thôn có từ 02 chi bộ trở lên: Không.

Đảng ủy xã thực hiện việc giải thể, hợp nhất, đổi tên hoặc thành lập mới các chi bộ tương ứng với các thôn sau sắp xếp; đồng thời chỉ đạo kiện toàn cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ, Ban công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể ở thôn theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Việc kiện toàn các tổ chức ở thôn được thực hiện ngay sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các thôn mới đi vào hoạt động, bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức Đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền và phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở địa bàn dân cư.

2.2. Phương án bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia hoạt động và các đối tượng khác đang tham gia hoạt động tại thôn sau sắp xếp (nguyên tắc bố trí; phương án cụ thể theo từng vị trí, chức danh ở thôn mới; tổng số người hoạt động trước sắp xếp; số tiếp tục bố trí; số lượng dôi dư sau sắp xếp....)

- *Nguyên tắc bố trí, sắp xếp*

Việc bố trí, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách, người trực tiếp tham gia công việc của thôn sau sắp xếp được thực hiện trên cơ sở bảo đảm đúng quy định của Đảng, Nhà nước và của tỉnh; phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; công khai, dân chủ, khách quan và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

Ưu tiên lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, năng lực, trình độ, kinh nghiệm công tác, uy tín trong cộng đồng dân cư và có khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tại các thôn sau sắp xếp. Đồng thời quan tâm xem xét, bố trí phù hợp đối với các trường hợp đang tham gia công tác ở thôn trước khi sắp xếp.

- Phương án bố trí cụ thể

Sau khi sắp xếp, toàn xã còn 22 thôn. Mỗi thôn bố trí:

01 Bí thư Chi bộ;

01 Trưởng thôn;

01 Trưởng Ban công tác Mặt trận.

Đối với các chức danh người trực tiếp tham gia công việc của thôn và các chức danh khác, thực hiện rà soát, lựa chọn, kiện toàn theo quy định hiện hành và yêu cầu thực tế của từng thôn sau sắp xếp.

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự thực hiện thông qua quy trình dân chủ, công khai, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

- Kết quả bố trí, sắp xếp sau sắp xếp

Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn trước khi sắp xếp: 70 người (35 Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận và 35 Trưởng thôn).

Sau khi sắp xếp, dự kiến tiếp tục bố trí:

+ Bí thư Chi bộ: 22 người;

+ Trưởng thôn: 22 người;

+ Trưởng Ban công tác Mặt trận: 22 người;

+ Tổng số tiếp tục bố trí: 66 người.

Số lượng người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sắp xếp: 04 người.

Đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn và các đối tượng khác, việc bố trí, sắp xếp tiếp tục thực hiện trên cơ sở nhu cầu thực tế của từng thôn và theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.3. Phương án giải quyết chế độ, chính sách đối với người dôi dư sau sắp xếp (cụ thể các phương án, số lượng, chế độ chính sách và dự kiến kinh phí)

Việc giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, người trực tiếp tham gia công việc của thôn và các đối tượng khác dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại thôn được thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương, của tỉnh và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Căn cứ kết quả sắp xếp, UBND xã phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành rà soát, lập danh sách, xác định cụ thể số lượng người tiếp tục bố trí, số

lượng người dôi dư, thời gian công tác, điều kiện, tiêu chuẩn và chế độ được hưởng đối với từng trường hợp theo quy định.

Đối với những người không tiếp tục bố trí công tác sau sắp xếp, thực hiện giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành; đồng thời quan tâm làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

(có phụ lục 3A, 3B, 3C, 3D kèm theo Đề án)

IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ THÔN DÔI DƯ SAU SẮP XẾP

Sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Đông Hưng, số lượng nhà văn hóa thôn nhiều hơn số lượng thôn sau sắp xếp, phát sinh một số nhà văn hóa dôi dư cần được rà soát, sắp xếp và xử lý theo quy định.

1. Phương án xử lý

Đối với các nhà văn hóa tiếp tục sử dụng, thực hiện bàn giao cho thôn mới để quản lý, khai thác và phục vụ các hoạt động hội họp, sinh hoạt cộng đồng của Nhân dân.

Đối với các nhà văn hóa dôi dư sau sắp xếp, UBND xã tổ chức rà soát hiện trạng, nhu cầu sử dụng thực tế để xây dựng phương án quản lý, sử dụng phù hợp, bảo đảm hiệu quả, tránh lãng phí tài sản công. Ưu tiên sử dụng làm địa điểm sinh hoạt cộng đồng, hội họp của các khu dân cư, nơi tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao hoặc phục vụ các mục đích công cộng khác theo quy định.

Việc quản lý, sử dụng và xử lý tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

2. Lộ trình thực hiện

Sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, UBND xã tổ chức rà soát, kiểm kê hiện trạng nhà văn hóa của các thôn trước sắp xếp.

Thực hiện bàn giao nhà văn hóa tiếp tục sử dụng cho các thôn mới theo phương án sắp xếp.

Xây dựng phương án xử lý đối với các nhà văn hóa dôi dư, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

Tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng các nhà văn hóa sau sắp xếp bảo đảm hiệu quả, đúng mục đích và phù hợp với nhu cầu thực tế của địa phương.

(Chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo Đề án).

V. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP THÔN

1. Đề nghị Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy xã

Lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Đề án sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã; chỉ đạo công tác tuyên truyền, vận động tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Chỉ đạo việc thành lập, sáp nhập, giải thể, kiện toàn tổ chức đảng tại các thôn sau sắp xếp; lãnh đạo công tác rà soát, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ thôn và các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định.

2. Đề nghị Thường trực HĐND xã

Thực hiện chức năng giám sát việc triển khai thực hiện Đề án; giám sát việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với các đối tượng chịu tác động do sắp xếp thôn và việc quản lý, sử dụng tài sản công sau sắp xếp theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, ủng hộ chủ trương sắp xếp, tổ chức lại các thôn.

Tham gia giám sát quá trình triển khai thực hiện, bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định.

Hướng dẫn việc kiện toàn Ban Công tác Mặt trận, các chi hội, tổ chức đoàn thể ở thôn sau sắp xếp theo quy định.

4. Đề nghị Ban Xây dựng Đảng

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo việc thành lập, sáp nhập, giải thể, kiện toàn các chi bộ thôn sau sắp xếp.

Hướng dẫn việc rà soát, chuyển sinh hoạt đảng, quản lý hồ sơ đảng viên và các nội dung liên quan đến công tác tổ chức xây dựng Đảng tại các thôn sau sắp xếp.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội rà soát, tham mưu xây dựng phương án sắp xếp, bố trí đội ngũ người hoạt động không chuyên trách ở thôn sau sắp xếp; tham mưu công tác nhân sự đối với các chức danh thuộc diện cấp ủy quản lý, bảo đảm phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương.

5. Đề nghị Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy xã

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy xã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

Hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác kiểm tra, giám sát của các chi bộ thuộc diện sắp xếp.

6. Phòng Văn hóa - Xã hội

Là cơ quan thường trực tham mưu UBND xã triển khai thực hiện Đề án; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện và tham mưu giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Chủ trì công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, sự cần thiết của việc sắp xếp thôn; phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp trên liên quan đến công tác sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã.

Tổng hợp kết quả lấy ý kiến nhân dân, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan hoàn thiện hồ sơ trình HĐND thông qua Đề án và ban hành Nghị quyết. Tham mưu UBND xã dự trù kinh phí thực hiện.

Phối hợp với Ban Xây dựng Đảng và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu việc kiện toàn tổ chức thôn sau sắp xếp; đồng thời tham mưu UBND xã việc quản lý, sử dụng và phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa tại các thôn sau sắp xếp theo quy định.

7. Phòng Kinh tế

Phối hợp với Phòng Văn hoá - Xã hội lập dự toán, thẩm định dự toán và tham mưu phân bổ kinh phí thực hiện, hướng dẫn thanh quyết toán theo quy định.

Tham mưu Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo quản lý, sử dụng, xử lý nhà văn hóa và tài sản công tại các thôn đôi dư sau sắp xếp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí.

Báo cáo chi tiết về quy mô diện tích, sơ đồ của các thôn sau khi thực hiện Đề án sắp xếp các thôn.

Hướng dẫn các cơ sở thôn thực hiện công tác bàn giao cơ sở vật chất, tài sản công sau sáp nhập.

8. Văn phòng HĐND và UBND xã

Tham mưu UBND xã theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình và kết quả thực hiện Đề án; tham mưu tổ chức các hội nghị, cuộc họp và thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc sắp xếp thôn.

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

9. Công an xã

Xây dựng kế hoạch, phương án bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông trong suốt quá trình thực hiện sắp xếp lại thôn.

Phối hợp cung cấp dữ liệu dân cư cho Phòng Văn hoá - Xã hội để phục vụ cho việc tổng hợp, thống kê số liệu dân số, lập danh sách cử tri theo từng cơ sở thôn để thực hiện niêm yết công khai và tổ chức lấy kiến nhân dân

10. Ban Chỉ huy Quân sự xã

Xây dựng kế hoạch, phương án triển khai lực lượng bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong suốt quá trình sắp xếp tổ chức lại thôn.

Phối hợp rà soát, kiện toàn lực lượng dân quân, công tác quốc phòng địa phương phù hợp với tổ chức thôn sau sắp xếp.

Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, quân sự địa phương trong quá trình triển khai Đề án.

11. Đối với các cơ sở thôn

Thông tin, tuyên truyền đến các hộ dân trên địa bàn thôn hiểu rõ ý nghĩa, mục đích của việc sắp xếp thôn; tổ chức triển khai lấy ý kiến Nhân dân đúng theo quy định, báo cáo kết quả tổ chức lấy ý kiến cho cơ quan có thẩm quyền.

Thực hiện việc bàn giao hồ sơ, sổ sách, tài sản, cơ sở vật chất, các khoản quỹ và các nội dung liên quan theo quy định; phối hợp kiện toàn tổ chức và ổn định hoạt động của các thôn sau sắp xếp.

Phối hợp thực hiện việc kiện toàn tổ chức, ổn định hoạt động của thôn sau sắp xếp, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của Nhân dân.

12. Các cơ quan, đơn vị liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân Nhân dân đồng thuận thực hiện chủ trương sáp nhập thôn. Nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của Nhân dân; phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc với cấp ủy, chính quyền để giải quyết.

VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kết luận

Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Đông Hưng là cần thiết, phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu thực tiễn của địa phương. Phương án sắp xếp bảo đảm các điều kiện theo quy định, góp phần tinh gọn tổ chức ở cơ sở, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát huy hiệu quả đầu tư cơ sở hạ tầng, sử dụng hợp lý nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động cộng đồng dân cư.

Sau khi thực hiện sắp xếp, các thôn mới có quy mô phù hợp hơn, bảo đảm ổn định đời sống Nhân dân, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và định hướng xây dựng xã Đông Hưng thành phường trong thời gian tới.

2. Kiến nghị, đề xuất

Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, thẩm định và phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Đông Hưng để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện.

Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp trên quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án; xem xét giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp dôi dư sau sắp xếp theo quy định.

Sau khi Đề án được phê duyệt, UBND xã Đông Hưng sẽ xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, tổ chức kiện toàn bộ máy, sắp xếp nhân sự, xử lý tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung liên quan, bảo đảm ổn định tình hình địa phương, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt của Nhân dân.

Trên đây là Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Đông Hưng năm 2026./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT Đảng ủy;
- TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng chuyên môn thuộc UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị liên quan;
- Các cơ sở thôn;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

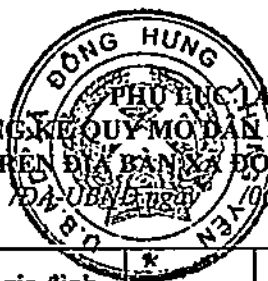
Nguyễn Minh Báu

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG

THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ ĐÔNG HƯNG

(Kèm theo Đề án số

106/2026 của UBND xã Đông Hưng)



STT	Tên thôn	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Thuộc diện giải thể	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Ghi chú
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thôn 5	305	76,25%	967		X			
2	Thôn 4	363	90,75%	1.131		X			
3	Thôn 3	222	55,50%	712		X			
4	Thôn 2	229	57,25%	730		X			
5	Thôn 1	210	52,50%	680			X		
6	Thôn Nam	723	180,75%	2.206				X	
7	Thôn Tân Sơn	615	153,75%	1.988				X	
8	Thôn Đông	578	144,50%	1.719				X	
9	Thôn Bắc	689	172,25%	2.131				X	
10	Thôn Trung	759	189,75%	2.310				X	
11	Thôn Đồng Vi	543	135,75%	1.749				X	
12	Thôn Đông Lệ	187	46,75%	582		X			
13	Thôn Bảo Châu	629	157,25%	1.950				X	
14	Thôn Thuận Túy	855	213,75%	3.014				X	
15	Thôn Anh Dũng	416	104,00%	1.396		X			
16	Thôn Cổ Dũng 1	581	145,25%	1.970		X			
17	Thôn Cổ Dũng 2	315	78,75%	1.078		X			
18	Thôn Đông Các	533	133,25%	1.671			X		
19	Thôn Nam Hải	330	82,50%	1.052		X			
20	Thôn Nam Quán	416	104,00%	1.300		X			

STT	Tên thôn	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Thuộc diện giải thể	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Ghi chú
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
21	Thôn Bắc Lịch Động	552	138,00%	1.865		X			
22	Thôn Trung Lịch Động	330	82,50%	1.094			X		
23	Thôn Nam Lịch Động	346	86,50%	1.080		X			
24	Thôn Bắc Lạng	419	104,75%	1.327		X			
25	Thôn Đề Quang	231	57,75%	783		X			
26	Thôn Lê Tiến	186	46,50%	588		X			
27	Thôn Hồng Phong	241	60,25%	834		X			
28	Thôn Phan Thanh	212	53,00%	726		X			
29	Thôn Đông Khê	446	111,50%	1.510		X			
30	Thôn Đà Giang	287	71,75%	917		X			
31	Thôn Trần Phú	359	89,75%	1.259		X			
32	Thôn Long Bồi	423	105,75%	1.319		X			
33	Thôn Long Bồi Đông	377	94,25%	1.213		X			
34	Thôn Phong Lôi Tây	521	130,25%	1.628		X			
35	Thôn Phong Lôi Đông	449	112,25%	1.425		X			
	KĐT Tây QL10	113	28,25%	259					
Tổng số: 35 thôn		14.990		48.163	0	24	3	8	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG



THÔNG KÊ THÔN KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10/06/2026 của UBND xã Đông Hưng)

STT	Tên thôn	Số hộ gia đình	Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %)	Số dân	Lý do không thực hiện sắp xếp (Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp)
1	2	3	4	5	6
I	KHÔNG SẮP XẾP DO ĐÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH				
1	Thôn Nam	723	131,45%	2.206	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
2	Thôn Tân Sơn	615	111,82%	1.988	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
3	Thôn Đông	578	105,09%	1.719	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
4	Thôn Bắc	689	125,27%	2.131	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
5	Thôn Trung	759	138,00%	2.310	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
6	Thôn Đồng Vi	543	98,73%	1.749	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
7	Thôn Bảo Châu	629	114,36%	1.950	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
8	Thôn Thuần Túy	855	155,45%	3.014	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
Tổng số: 8		5.391		17.067	
II	CHƯA ĐẠT TIÊU CHUẨN NHƯNG KHÔNG SẮP XẾP DO CÓ CÁC YẾU TỐ ĐẶC THÙ				
	Tổng số:...				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG**



Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn mới của bản xã Đông Hưng
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND/2012/Đ-UBND của UBND xã Đông Hưng)

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại				Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Xã Đông Hưng: Sắp xếp, tổ chức lại 27 thôn (trong đó sáp nhập 24 thôn, giải thể 03 thôn) thành 14 thôn mới; giữ nguyên 08 thôn. Sau sắp xếp, toàn xã có 22 thôn, giảm 13 thôn.									
1	Thôn 4	363	1.131	Thôn 1	668	167,00%	2.098	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 76% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn 5	305	967						
2	Thôn 2	229	730	Thôn 2	588	147,00%	1.786	03 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 55% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn 1
	Thôn 3	222	712						
	Thôn 1 (24 hộ phía tây trực QL 10 thuộc thôn 1)	24	85						
	Khu đô thị Tây QL 10	113	259						

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phường mới, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
3	Thôn Phong Lôi Đông	449	1.425	Thôn 3	574	143,50%	1.789	02 thôn liên kế nhau, có quy mô từ 52% đến dưới 120% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn 1
	Thôn 1 (125 hộ gia đình phía Đông đường QL 10)	125	364						
4	Thôn Phong Lôi Tây	521	1.628	Thôn 4	582	145,50%	1.859	2 thôn liên kế nhau, có quy mô từ 52% đến dưới 130% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn 1
	Thôn 1 (61 hộ gia đình phía Tây đường QL 10)	61	231						
5	Thôn Hồng Phong	241	834	Thôn 5	899	224,75%	3.070	03 thôn liên kế nhau, có quy mô từ 53% đến dưới 120% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Phan Thanh	212	726						
	Thôn Đông Khê	446	1.510						
6	Thôn Đà Giang	287	917	Thôn 6	646	161,50%	2.176	2 thôn liên kế nhau, có quy mô từ 71% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Trần Phú	359	1.259						

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7	Thôn Bắc Lạng	419	1.327	Thôn 7	836	209,00%	2.698	03 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 46% đến dưới 110% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Thôn Đẻ Quang	231	783							
	Thôn Lê Tiến	186	588							
8	Thôn Long Bối	423	1.319	Thôn 8	800	200,00%	2.532	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Thôn Long Bối Đông	377	1.213							
9	Thôn Đông Các (245 hộ)	245	788	Thôn 9	661	165,25%	2.088	02 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 62% đến dưới 110% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn Đông Các	
	Thôn Nam Quán	416	1.300							
10	Thôn Đông Các (288 hộ)	288	883	Thôn 10	618	154,50%	1.935	2 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn Đông Các	
	Thôn Nam Hải	330	1.052							

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (Đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)	Lý do	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Thôn Trung Lịch Đông (270 hộ)	270	912	Thôn 11	616	154,00%	1.992	2 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 60% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn Trung Lịch Đông
	Thôn Nam Lịch Đông	346	1.080						
12	Thôn Trung Lịch Đông (60 hộ)	60	182	Thôn 12	612	153,00%	2.047	2 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 60% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	Giải thể thôn Trung Lịch Đông
	Thôn Bắc Lịch Đông	552	1.865						
13	Thôn Đồng Vi	543	1.749	Thôn 13	543	135,75%	1.749	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
14	Thôn Bảo Châu	629	1.950	Thôn 14	629	157,25%	1.950	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	
15	Thôn Đồng Lệ	187	582	Thôn 15	603	150,75%	1.978	2 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 46% đến dưới 110% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Thôn Anh Dũng	416	1.396						

TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
16	Thôn Cổ Dũng 1	581	1.970	Thôn 16	896	224,00%	3.048	2 thôn liền kề nhau, có quy mô từ 78% đến dưới 150% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Thôn Cổ Dũng 2	315	1.078							
17	Thôn Thuận Tuy	855	3.014	Thôn 17	855	2,1375	3.014	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
18	Thôn Tân Sơn	615	1.988	Thôn 18	615	1,5375	1.988	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
19	Thôn Trung	759	2.310	Thôn 19	759	1,8975	2.310	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
20	Thôn Bắc	689	2.131	Thôn 20	689	1,7225	2.131	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
21	Thôn Đông	578	1.719	Thôn 21	578	1,445	1.719	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
22	Thôn Nam	723	2.206	Thôn 22	723	1,8075	2.206	Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG HƯNG**



Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sắp xếp lại trên địa bàn xã Đồng Hưng
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 20/09/2024 của UBND xã Đồng Hưng)

TT	Tên xã, phường	Số thôn trước sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn không thực hiện sắp xếp		Số thôn sau sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng phương án sắp xếp, tổ chức lại			Số thôn giảm	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đôi dư	Ghi chú
				Do đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		Sắp xếp 02 thôn	Sắp xếp 03 thôn	Sắp xếp từ 04 thôn trở lên					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	10	11	12	13	14
1	Xã Đồng Hưng	35	27	8	0	22	9	3	0	13	4	32	dư 11 nhà văn hoá (sau sắp nhập còn 3 thôn mới chưa có nhà văn hóa do đang sinh hoạt tại đình làng)	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HUNG**



Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn và ấp xã trước sắp xếp, tổ chức lại thôn
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10/08/2016 của UBND xã Đông Hưng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Thôn 1														
1	PHẠM CÔNG ĐƯƠNG	02/09/1952		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1		1			1
2	VŨ HỒNG MẠNH	07/02/1969		1	Trưởng thôn				1			1			1
	Thôn 2														
1	VŨ NGỌC ÁNH	14/11/1969		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1		1				1
2	NGUYỄN XUÂN THÀNH	10/03/1961		1	Trưởng thôn					1			1		1
	Thôn 3														
1	HOÀNG THÚY VINH	25/12/1958	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1
2	PHAN VĂN TUYỀN	17/01/1963		1	Trưởng thôn					1	1				1
	Thôn 4														
1	ĐẶNG VĂN PHỎNG	20/04/1956		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận								1		1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	QUÁCH VĂN TƯ	03/12/1960		1	Trưởng thôn					1			1		1		
	Thôn 5																
1	TRẦN THỊ LIÊN	25/11/1960	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1		1	1		1		
2	NGUYỄN HỮU TỬ	10/05/1980		1	Trưởng thôn			1									
	Thôn Thuận Túy																
1	NGUYỄN VĂN SÂU	02/01/1960		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1				1		1		
2	BÙI VĂN KHANH	09/10/1955		1	Trưởng thôn					1					1		
	Thôn Cổ Dưng 1																
1	NGUYỄN THÁI SƠN	04/01/1963		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1		
2	BÙI CÔNG CHIẾN	07/06/1970		1	Trưởng thôn				1								
	Thôn Cổ Dưng 2																
1	MAI THANH LÃNG	17/07/1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1		
2	NGUYỄN VĂN HUYỀN	14/05/1965		1	Trưởng thôn					1					1		
	Thôn Anh Dũng																

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Từ 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	BUI THỊ KHUÔNG	14/08/1964	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1
2	VŨ ĐỨC MẠNH	16/04/1960		1	Trưởng thôn					1			1		1
	Thôn Đồng Lễ														
1	BUI THỊ LÝ	05/01/1971	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1						
2	BUI DUY ĐÀNH	01/03/1968		1	Trưởng thôn				1						
	Thôn Bảo Châu														
1	MAI QUÝ KẾ	19/07/1960		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1
2	MAI QUÝ SANG	03/12/1964		1	Trưởng thôn					1					1
	Thôn Đồng Vi														
1	LÊ ĐỨC NAM	15/09/1966		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1						
2	BUI VĂN KHÓA	02/07/1960		1	Trưởng thôn					1					1
	Thôn Bắc														
1	PHẠM VĂN NHIÊN	25/07/1960		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1
2	ĐẶNG HỒNG QUẢN	20/06/1962		1	Trưởng thôn					1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo			Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Thôn Nam														
1	TRẦN DANH OAI	17/08/1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1
2	THẠCH CẢNH LONG	07/01/1964			Trưởng thôn					1			1		1
	Thôn Trung														
1	NGUYỄN ĐỨC CÔN	07/07/1964		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1
2	BÙI THỌ VY	29/09/1960		1	Trưởng thôn					1					1
	Thôn Đông														
1	BÙI THỌ ĐỊNH	19/09/1964		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1
2	MAI DINH TRUNG	12/05/1977		1	Trưởng thôn			1					1		
	Thôn Tân Sơn														
1	PHẠM VĂN TRI	25/07/1973		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1						
2	NGUYỄN PHÚ LỢI	19/06/1961			Trưởng thôn					1					1
	Thôn Phong Lôi Đông														
1	TRẦN MẠNH HÙNG	16/01/1958		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	ĐÀO DUY KIẾN	06/01/1972		1	Trưởng thôn				1				1		
	Thôn Phong Lôi Tây														
1	ĐỖ NGUYỄN TƯỜNG	10/12/1964		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1		1			1
2	PHẠM VĂN VỮA	02/01/1959		1	Trưởng thôn					1			1		1
	Thôn Long Bối														
1	PHẠM MINH TUẤN	27/07/1964		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1
2	ĐÀO HUY KIỆU	20/09/1961		1	Trưởng thôn					1					1
	Thôn Long Bối Đông														
1	PHẠM THỊ SINH	01/12/1985	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận			1				1			
2	PHẠM VĂN ĐIỆP	10/09/1959		1	Trưởng thôn					1			1		1
	Thôn Đông Các														
1	NGUYỄN PHI XIÊN	13/10/1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1
2	VŨ THỊ VU	08/02/1964			Trưởng thôn					1					1
	Thôn Nam Hải														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Tên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	NGUYỄN VĂN KHÓA	15/10/1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1					1
2	NGUYỄN VĂN DUÂN	28/08/1969			Trưởng thôn				1						
	Thôn Bắc Lịch Động														
1	VŨ TIẾN THĂNG	28/01/1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận								1		1
2	VŨ XUÂN HOẠT	15/09/1972			Trưởng thôn				1						
	Thôn Nam Lịch Động														
1	PHẠM THỊ HÀNG	17/07/1981	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận			1					1		
2	VŨ XUÂN PHÚC	12/11/1964			Trưởng thôn					1					1
	Thôn Trung Lịch Động														
1	BÙI THỊ XÁ	14/11/1967	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1						
2	PHẠM VĂN HÙNG	10/10/1954			Trưởng thôn					1					1
	Thôn Nam Quân														
1	NGUYỄN NGỌC HUY	24/04/1955		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1			1		1
2	HOÀNG VĂN CHÍ	23/02/1963			Trưởng thôn					1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi		Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13	14	15	16
	Thôn Bắc Lạng															
1	BÙI TUẤN	08/05/1948		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1				1		1
2	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH	22/02/1954			Trưởng thôn					1						1
	Thôn Đà Giang															
1	NGUYỄN ĐĂNG TRẠCH	05/01/1952		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1						1
2	NGUYỄN BÁ HUY	10/09/1962		1	Trưởng thôn					1						1
	Thôn Hồng Phong															
1	NGUYỄN XUÂN HIỀN	02/09/1979		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận		1							1		
2	NGUYỄN XUÂN KHANG	01/02/1974			Trưởng thôn				1							
	Thôn Lê Tiến															
1	NGUYỄN THỊ TÂM	26/3/1970	1	1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1							
2	VŨ NGỌC HOÀN	31/7/1977		1	Trưởng thôn		1							1		
	Thôn Phan Thanh															
1	NGUYỄN TRỌNG TÀI	03/12/1959		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1				1		1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi					Chia theo trình độ đào tạo					Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	NGUYỄN HỮU VINH	02/01/1946			Trưởng thôn					1					1		
	Thôn Trần phú																
1	NGUYỄN HUY VINH	10/08/1962		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1				1	1		
2	PHAN THANH GIANG	20/6/1965			Trưởng thôn					1				1	1		
	Thôn Đông Khê																
3	NGUYỄN NHƯ AN	08/08/1957		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận					1				1	1		
4	NGUYỄN HỮU HUY	05/05/1977			Trưởng thôn			1									
	Thôn Dề Quang																
4,6	NGUYỄN HUY PHUONG	16/10/1974		1	Bí thư chi bộ kiêm Trưởng Ban Công tác mặt trận				1				1				
5,3	NGUYỄN HỮU THOẠI	03/05/1959		1	Trưởng thôn					1						1	
	Tổng số					0	0	7	15	47	2	5	25	3	51		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HUNG**

PHỤ LỤC 3B

Danh sách người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn trên địa bàn xã trước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /06/2026 của UBND xã Đông Hưng)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Thôn 1														
1	Phạm Thị Huệ	1979	1	1	Phó thôn (Kiểm, CH Trưởng CH Phụ nữ)	0,75		1							1
2	Vũ Hồng Mạnh	12/7/1969		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1			1						
3	Mai Văn Cường	1992			Bí thư chi Đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Thị Viện	27/4/1949	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,1				1			1		1
5	Phạm Thái Hùng	1951		1	Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn 2														
1	Nguyễn Văn Ủy	15/3/1962		1	Phó thôn	0,65				1			1		1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi	Đang viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
2	Nguyễn Xuân Thành	03/10/1961			Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1
3	Nguyễn Thế Mạnh	23/03/1995		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1						1		
4	Phạm Thị Oanh	05/02/1955	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1			1		1
5	Nguyễn Thị Quý	19/12/1958	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,1				1					1
6	Đặng Quang Toàn	1968		1	Chi HT chi hội CCB	0,1			1						
	Thôn 3														
1	Nguyễn Quốc Khánh	06/7/1974		1	Phó thôn kiêm chi hội trưởng chi hội CCB	0,75			1				1		
2	Phan Văn Tuấn	17/01/1963			Phó BT chi bộ (Trưởng thôn kiêm)	0,1				1					1
3	Nguyễn Thị Minh Anh	27/7/2000	1		Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
4	Nguyễn Thị Yến	02/02/1952	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1			1		1
5	Minh Minh Tuấn	03/11/1973		1	Chi hội trưởng Nông Dân	0,1			1			1			
	Thôn 4														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	Nguyễn Thị Nguyệt	1960	1	1	Phó thôn	0,7				1					1
2	Quách Văn Tư	12/3/1960			Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1
3	Nguyễn Xuân Nam	09/02/1990		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
4	Tô Thị Bảy	1968			Chi hội trưởng phụ nữ	0,1			1						1
5	Nguyễn Văn Kiên	1949			Chi hội trưởng Nông Dân kiêm Chi hội trưởng CCB	0,2				1					1
	Thôn 5														
1	Nguyễn Văn Nga	20/12/1955			Phó thôn	0,65				1					1
2	Nguyễn Hữu Tú	5/10/1980		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1		1							
3	Vũ Hồng Nhung	14/8/1991	1	1	Bí thư chi đoàn	0,1	1						1		
4	Hà Lê Nhật Linh	1996	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,1	1								
5	Lê Thị Sại	16/6/1950			Chi hội trưởng Nông Dân	0,1					1				1
6	Nguyễn Văn Hùng	1954	1		Chi HT chi hội CCB	0,1							1		1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
	Thuần Bắc														
1	Bùi Thọ Khanh	1960			Phó thôn	0,75				1					1
2	Đặng Hồng Quân	20/6/1962			Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15				1					1
3	Đào Văn Bằng	06/11/1987			Bí thư chi đoàn	0,15	1					1			
4	Cao Thị Nhân	07/8/1964			Chi hội trưởng phụ nữ	0,15				1					1
5	Phạm Tuấn Tinh	1961		1	Chi hội trưởng Nông Dân (CH trưởng CCB kiêm)	0,3				1					1
	Thuần Trung														
1	Bùi Thọ Vy	29/9/1960		1	Phó thôn, Phó bí thư chi bộ, Chi hội trưởng chi hội Nông Dân	1,05				1					1
2	Trần Hữu Duy	13/11/2001		1	Bí thư chi đoàn	0,15	1								
3	Phạm Thị Duyên	1972	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,15			1						
4	Phạm Văn Vương	1963			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thuần Nam														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	Nguyễn Thị Mến	07/10/1968	1	1	Phó thôn, Chi hội trưởng chi hội Nông Dân	0,9			1						1
2	Bùi Thị Loan	01/01/1961		1	Phó BT chi bộ, chi hội trưởng chi hội Phụ nữ	0,3				1					
3	Bùi Tiến Bằng	29/8/1992		1	Bí thư chi đoàn	0,15	1					1			
4	Trần Ngọc Đêm	1947		1	Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Đông														
1	Tạ Thị Mai	1963			Phó thôn	0,75					1				1
2	Mai Đình Trung	05/12/1977		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15							1		
3	Trần Công Chính	03/01/2000		1	Bí thư chi đoàn	0,15	1								
4	Trần Thị Muốn	1970			Chi hội trưởng phụ nữ	0,15			1						
5	Nguyễn Thị Hoa	3/5/1964	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,15					1				1
6	Nguyễn Đức Sơn	1957		1	Chi HT chi hội CCB	0,15							1		1
	Thôn Tân Sơn														

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Bại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	Phạm Văn Sỹ	25/5/1958			Phó thôn	0,75				1					1
2	Ngô Văn Dương	06/09/1974		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15			1				1		
3	Phạm Đức Anh	08/07/2003			Bí thư chi đoàn	0,15	1								
4	Lã Thị Loan	16/02/1966			Chi hội trưởng phụ nữ	0,15			1						1
5	Nguyễn Thị Tâm	08/2/1970	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,15			1						
6	Hoàng Văn Trường	1955			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Long Bối														
1	Phạm Văn Khu	01/01/1965			Phó thôn, Chi hội trưởng Nông Dân	0,8				1					1
1	Đào Huy Kiểu	20/9/1961		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1
3	Đỗ Hà Châu	20/11/1990	1		Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Phạm Thị Tâm	26/12/1963	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1			1		1
5	Phạm Hữu Lương	1954			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
	Thôn Long Bối Đông														
1	Đào Thị Hương	10/6/1971			Phó thôn, Chi hội trưởng phụ nữ	0,8			1						
2	Phạm Văn Điệp	09/10/1959		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1
3	Lê Huy Tài	24/10/1999			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Minh Thuyết	27/11/1973	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,1			1						1
5	Đào Xuân Bí	1958			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					
	Thôn Phong Lôi Tây														
1	Đỗ Nguyễn Tuấn	1966			Phó thôn	0,75				1					1
2	Phạm Văn Vùn	01/02/1959		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15				1					1
3	Nguyễn Thị Thu Hiền	27/5/1996	1	1	Bí thư chi đoàn	0,15	1					1			
4	Nguyễn Thị Nhữ	26/06/1958	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,15								1	1
5	Tô Thị Tuyền	25/5/1975	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,15			1						

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số	Đang viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoặc động lực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
6	Trần Văn An	1960			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Phong Lôi Đông														
1	Phạm Thị Khuyên	20/8/1972	1		Phó thôn	0,7		1						1	
2	Đào Duy Kiên	01/6/1972		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1		1							
3	Trần Quang Hoàn	03/01/2005			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Trần Thị Thanh Nga	03/9/1983	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,1		1				1			
5	Nguyễn Huy Tuấn	26/1/1971			Chi hội trưởng Nông Dân	0,1			1						
6	Lưu Xuân Huy	1955			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Nam Quân														
1	Trần Văn Chương	28/4/1976			Phó thôn	0,7			1						
2	Trần Văn Hoàn	9/12/1990		1	Phó BT chi bộ, Chi hội trưởng Nông Dân	0,2	1						1	1	
3	Nguyễn Văn Anh Tuấn	08/8/1995			Bí thư chi đoàn	0,1	1						1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
4	Hà Thị Dưa	08/9/1960	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1
5	Vũ Văn Vĩnh	1960			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Nam Hải														
1	Hà Văn Mầu	20/10/1961			Phó thôn	0,65				1					1
2	Vũ Thị Hương	27/11/1988	1		Phó BT chi bộ	0,1	1						1		
3	Nguyễn Văn Mạnh	18/8/1986			Bí thư chi đoàn	0,1		1							
4	Trần Thị Thủy Hội	08/11/1961	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1
5	Nguyễn văn Duẩn	28/8/1969			Chi hội trưởng Nông Dân	0,1			1						
6	Hà Huy Đôn	1956			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Đông Các														
1	Phạm Văn Siêng	18/1/1989		1	Phó BT chi bộ, Bí thư chi đoàn, chi hội trưởng chi hội Nông Dân	0,45	1							1	
2	Vũ Thị Vụ	02/8/1965	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,15					1				1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
3	Phạm Văn Cẩn	1958			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Trung Lịch Động														
1	Vũ Văn Phòng	13/10/1969			Phó thôn, Phó bí thư chi bộ, Chi hội trưởng chi hội Nông Dân	0,9			1						
2	Mai Thị Nga	27/9/1980	1	1	Bí thư chi đoàn	0,1		1							
3	Đặng Thị Huyền	25/11/1982	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1		1							
4	Vũ Văn Thường	1961			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Nam Lịch Động														
1	Phạm Thị Thêu	10/10/1960	1		Phó thôn	0,7				1			1		1
2	BÙI THỊ THẢO LINH	08/11/1997	1	1	Phó BT chi bộ	0,1	1						1		
3	Phạm Văn Thanh	19/11/1992			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Lưu Thị Nga	18/8/1962	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1
5	Vũ Xuân Phúc	12/11/1964			Chi hội trưởng Nông Dân (Trưởng thôn)	0,1									

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
6	Phạm Cao Đà	1956			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Bắc Lạch Động														
1	Phạm Ngọc Lý	1955			Phó thôn	0,75				1					1
2	Bùi Xuân Trường	17/12/1949		1	Phó BT chi bộ	0,15				1					1
3	Đặng Văn Chính	09/01/1997		1	Bí thư chi đoàn	0,15	1				1				
4	Đào Thị Huệ	05/6/1975	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,15		1							
5	Vũ Xuân Hoạt	15/09/1972			Chi hội trưởng Nông Dân (Trưởng thôn)	0,15									
6	Phạm Ngọc Lý	1955			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					
	Thôn Thuận Túy														
1	Bùi Ngọc Bé	1958	1		Phó thôn	0,75				1					1
2	Bùi Văn Khanh	10/9/1955		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15				1					1
3	Hoàng Thị Hương	21/09/1998	1		Bí thư chi đoàn	0,15	1								

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
4	Phạm Thị Tân	1959	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,15				1					1
5	Hoàng Thị Dyer	10/8/1963	1	1	Chi hội trưởng Nông Dân	0,15			1					1	
6	Phạm Văn Thịnh	1959		1	Chi HT chi hội CCB	0,15			1						1
	Thôn Cổ Dưng 1														
1	Nguyễn Văn Tinh	06/01/1973			Phó thôn	0,75			1						
2	Bùi Công Chiến	07/06/1970		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15			1						
3	Bùi Văn Quân	24/7/2000		1	Bí thư chi đoàn	0,15	1								
4	Nguyễn Thị Đào	03/5/1960	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,15				1					1
5	Mai Thị Thúy	10/4/1958			Chi hội trưởng Nông Dân	0,15				1					1
6	Nguyễn Văn Thu	1955			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Cổ Dưng 2														
1	Bùi Văn Chuy	1955			Phó thôn, Chi hội trưởng Nông Dân	0,8				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
2	Nguyễn Văn Huyền	14/05/1965		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1
3	Bùi Văn Chính	23/11/1997		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Thị Khánh	01/01/1952			Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1
5	Hoàng Đức Anh	1955			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Anh Dũng														
1	Vũ Xuân Vinh	1971			Phó thôn, Chi hội trưởng chi hội Nông Dân	0,8			1						
2	Vũ Đức Mạnh	16/04/1960		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1			1		1
3	Bùi Duy Khanh	20/1/1998			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Vũ Thị Hoài	1974	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1			1						
5	Vũ Gia Thái	1959			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Đồng Lệ														
1	Bùi Thị Liên	01/10/1962	1		Phó thôn, Chi hội trưởng phụ nữ	0,75				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi	Đang viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
2	Bùi Duy Thành	03/01/1968		1	Phó BT chi bộ, Chi hội trưởng chi hội Nông Dân	0,2				1			1		1
3	Bùi Duy Thăng	08/07/1999		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Bùi Thanh Cơ	1955			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Báo Châu														
1	Mai Quý Hà	1950			Phó thôn	0,75				1					1
2	Mai Quý Sang	03/12/1964		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15				1					1
3	Nguyễn Văn Nhân	01/5/1994		1	Bí thư chi đoàn	0,15	1								
4	Nguyễn Thị Bưởi	1958	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,15				1					1
5	Mai Quý Vệ	19/6/1958			Chi hội trưởng Nông Dân	0,15				1					1
6	Mai Quý Khai	1957			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Đồng Vĩ														
1	Nguyễn Văn Cách	21/5/1956			Phó thôn	0,75				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
2	Bùi Văn Khón	02/07/1960		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,15				1					1
3	Lã Thanh Hoài	08/03/2006			Bí thư chi đoàn	0,15	1								
4	Vũ Thị Huế	1960	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,15			1						
5	Bùi Thị Bưởi	18/2/1960	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,15			1						
6	Lê Xuân Roan	1953			Chi HT chi hội CCB	0,15				1					1
	Thôn Bắc Lạng														
1	Nguyễn Trọng Năm	1954			Phó thôn	0,7				1					1
2	Nguyễn Thị Thu Hà	20/12/1971	1	1	Phó BT chi bộ	0,1			1			1			
3	Phạm Thị Miên	10/10/1988			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Thị Xuyên	16/02/1974	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1			1						
5	Đặng Thị Nhung	02/12/1988	1	1	Chi hội trưởng Nông Dân	0,1		1							
6	Nguyễn Trọng Thành	1954			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh (tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố)	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hương	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Dại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
	Thôn Đê Quang														
1	Nguyễn Như Nam	02/8/1963			Phó thôn	0,65			1						
2	Nguyễn Hữu Thoại	03/05/1959		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1
3	Nguyễn Như Văn	1997			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Phan Thị Tâm	01/01/1958	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1
5	Nguyễn Hữu Tiến	08/4/1954			Chi hội trưởng Nông Dân	0,1				1					1
6	Nguyễn Hữu Tài	1957			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Lê Tiến														
1	Nguyễn Văn Thọ	1971			Phó thôn, Chi hội trưởng Nông Dân	0,75			1						
2	Vũ Ngọc Hoàn	31/7/1977		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn kiêm)	0,1		1					1		
3	Nguyễn Hữu Khánh	1997			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Thị Phương	16/10/1964	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
5	Nguyễn Trọng Tiếp	1964			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Hồng Phong														
1	Bùi Thị Ngát	02/5/1976	1		Phó thôn	0,65		1							
2	Phan Văn Dương	14/11/1964		1	Phó BT chỉ bộ	0,1				1					1
3	Nguyễn Trọng Minh	11/5/1997			Bí thư chi đoàn	0,1	1					1			
4	Nguyễn Thị Phương	27/10/1965	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1							1		1
5	Nguyễn Đăng Nhung	01/01/1954			Chi hội trưởng Nông Dân	0,1				1					1
6	Nguyễn Văn Định	1960			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Phan Thanh														
1	Nguyễn Quang Thường	1988		1	Phó thôn, Bí thư chi đoàn	0,75	1								
2	Nguyễn Xuân Tuấn	1960			Phó BT chỉ bộ	0,1									1
3	Nguyễn Thị Liên	10/6/1964	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1									1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
4	Nguyễn Hữu Vinh	02/01/1946			Chi hội trưởng Nông Dân	0,1				1					1
5	Nguyễn Hữu Thịnh	1957		1	Chi HT chi hội CCB	0,1				1			1		1
	Thôn Đông Khê														
1	Nguyễn Hữu Lộc	1960			Phó thôn	0,7				1					1
2	Nguyễn Hữu Thu	15/08/1959		1	Phó BT chi bộ	0,1				1		1			1
3	Nguyễn Phương Thảo	24/8/2002	1		Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Thị Tuyết	01/01/1956	1		Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1					1
5	Đinh Thị Tuyên	11/3/1969	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,1			1						
6	Nguyễn Bá Hiên	1960			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Đà Giang														
1	Nguyễn Văn Nghị	1955			Phó thôn, Chi hội trưởng Nông Dân	0,75				1					1
2	Nguyễn Bá Huy	10/09/1962		1	Phó BT chi bộ (Trưởng thôn)	0,1				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp/ hỗ trợ hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
3	Nguyễn Văn Tinh	30/6/2004		1	Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Nguyễn Thị Tâm	10/10/1957	1	1	Chi hội trưởng phụ nữ	0,1				1				1	1
5	Nguyễn Đăng Học	1957			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Thôn Trần Phú														
1	Trần Thị Kim Chung	26/12/1963	1		Phó thôn, Chi hội trưởng phụ nữ	0,8				1			1		1
2	Nguyễn Hữu Công	30/4/1975		1	Phó BT chi bộ	0,1			1						
3	Nguyễn Hữu Giang	24/4/2001			Bí thư chi đoàn	0,1	1								
4	Vũ Thị Ánh Nguyệt	15/6/1966	1		Chi hội trưởng Nông Dân	0,1				1					1
5	Nguyễn Đình Thảo	1955			Chi HT chi hội CCB	0,1				1					1
	Tổng số						37	12	32	102	0	10	27	4	105

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG



Tổng hợp số lượng các tổ chức tại thôn/tổ dân phố bản xã Đông Hưng
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 20/08/2023 của UBND xã Đông Hưng)

Các tổ chức tại thôn, TDP																							
TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/tổ dân phố	Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố										Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố										Ghi chú
			Trong đó										Trong đó										
			Tổng số	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chức thấp đồ, người cao tuổi...)	Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chức thấp đồ, người cao tuổi...)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23	
1	Xã Đông Hưng	35	291	35	35	35	35	35	35		81	165	22	22	22	22	22	22			33	-126	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG HƯNG



THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH, NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN; NGƯỜI THAM GIA KHÁC Ở THÔN VÀ PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, BỐ TRÍ SAU KHI TẠO CHIẾN SẮC XẾP THÔN

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 01/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Hưng)

STT	Tên thôn	Số lượng theo định mức						Số lượng hiện có						Số lượng dự kiến bố trí, sắp xếp tại thôn/hộ dân phố mới				Số lượng dự kiến dời dư sau sắp xếp				Phương án giải quyết dời dư	Ghi chú
		Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				19		
1	Thôn 1	3	6	3	1	4	9	2	2	3	6	3	1	1	3	-1	1						
2	Thôn 2	3	6	3	1	4	9	2	1	3	6	3	1	1	3	-1	0						
3	Thôn 3	3	6	3	1	3	7	1	0	3	6	3	1	0	1	-2	-1						
4	Thôn 4	3	6	3	1	3	6	1	1	3	6	3	1	0	0	-2	0						
5	Thôn 5	3	6	3	1	6	16	2	3	3	6	3	1	3	10	-1	2						
6	Thôn 6	3	6	3	1	4	9	3	2	3	6	3	1	1	3	0	1						
7	Thôn 7	3	6	3	1	6	16	2	2	3	6	3	1	3	10	-1	1						

STT	Tên thôn	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dự kiến bù lại, sắp xếp tại thôn/ổ dân phố mới				Số lượng dự kiến dời dư sau sắp xếp				Phương án giải quyết dời dư	Ghi chú
		Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tò dân bảo ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tò dân bảo ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tò dân bảo ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng						
8	Thôn 8	3	6	3	1	4	8	1	1	3	6	3	1	1	2	-2	0		
9	Thôn 9	3	6	3	1	3	6	2	0	3	6	3	1	0	0	-1	-1		
10	Thôn 10	3	6	3	1	3	6	1	0	3	6	3	1	0	0	-2	-1		
11	Thôn 11	3	6	3	1	3	7	0	2	3	6	3	1	0	1	-3	1		
12	Thôn 12	3	6	3	1	3	6	0	1	3	6	3	1	0	0	-3	0		
13	Thôn 13	3	6	3	1	2	6	2	1	3	6	3	1	-1	0	-1	0		
14	Thôn 14	3	6	3	1	2	5	2	1	3	6	3	1	-1	-1	-1	0		
15	Thôn 15	3	6	3	1	4	7	0	2	3	6	3	1	1	1	-3	1		
16	Thôn 16	3	6	3	1	4	11	3	1	3	6	3	1	1	5	0	0		
17	Thôn 17	3	6	3	1	2	5	0	1	3	6	3	1	-1	-1	-3	0		
18	Thôn 18	3	6	3	1	2	6	2	1	3	6	3	1	-1	0	-1	0		
19	Thôn 19	3	6	3	1	2	4	2	1	3	6	3	1	-1	-2	-1	0		

Một số chức danh không chuyên trách ở thôn và chức danh người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, Tò dân bảo ANTT, thôn Đội trưởng tại thời điểm sắp xếp hiện được kiêm nhiệm theo quy định

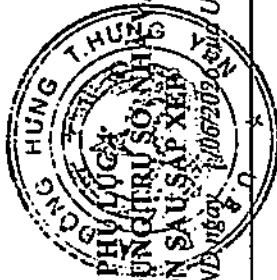
Mỗi số chức danh không chuyên trách ở thôn và chức danh người trực tiếp tham gia công tác ở thôn, Tổ dân phố ANTT, thôn Đội trưởng tại thời điểm sắp xếp hiện được kiêm nhiệm theo quy định

STT	Tên thôn	Số lượng theo định mức				Số lượng hiện có				Số lượng dự kiến bỏ rớt, sắp xếp tại thôn/tổ dân phố mới						Số lượng dự kiến đối dư sau sắp xếp				Phương án giải quyết đối dư	Ghi chú
		Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng	Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố	Người tiếp tham gia công tác ở thôn, tổ dân phố	Người tham gia Tổ dân phố ANTT ở cơ sở	Thôn Đội trưởng				
20	Thôn 20	3	6	3	1	2	6	2	1	3	6	3	1	-1	0	-1	0				
21	Thôn 21	3	6	3	1	2	5	2	0	3	6	3	1	-1	-1	-1	-1				
22	Thôn 22	3	6	3	1	2	4	2	1	3	6	3	1	-1	-2	-1	0				
	Tổng số	66	132	66	22	70	164	34	25	66	132	66	22	4	32	-32	3				

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG HƯNG**

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG QUA SỔ NHẠC AN HÓA

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày 10/06/2020 của UBND xã Đông Hưng)



STT	Thôn trước sắp xếp	Tên Thôn sau sắp xếp	Số lượng hiện có				Số lượng sử dụng				Phương án xử lý				Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Số lượng dời	Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Thôn 5	Thôn 1	1	1	0		1	1	0		1		1		
2	Thôn 4		1	1	0										
3	Thôn 3	Thôn 2	1	1	0		1	1	0		1		1		
4	Thôn 2		1	1	0										
5	Thôn 1	Thôn 3	1	1	0		1	1	0		1		1		
6	Thôn Phong Lôi Đông		1	1	0										
7	Thôn 1	Thôn 4	1	1	0		1	1	0		0				
8	Thôn Phong Lôi Tây														
9	Thôn Hồng Phong		2	1	1						3		3		

STT	Thôn trước sắp xếp	Tên Thôn sau sắp xếp	Số lượng hiện có				Số lượng sử dụng				Phương án xử lý				Ghi chú	
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Số lượng đối dư	Phương án				
												Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác		
10	Thôn Phan Thanh	Thôn 5	2	1	1		2	1	1							
11	Thôn Đông Khê		1	1	0											
12	Thôn Đà Giang	Thôn 6	2	1	1		3	2	1		0					
13	Thôn Trần Phú		1	1	0											
14	Thôn Bắc Lạng	Thôn 7	1	1	0						3		3			
15	Thôn Dê Quang		2	1	1		2	1	1							
16	Thôn Lê Tiến		2	1	1											
17	Thôn Long Bối	Thôn 8	2	1	1		2	1	1		1		1			
18	Thôn Long Bối Đông		1	1	0											
19	Thôn Nam Quán	Thôn 9	2	1	1		2	1	1							
20	Thôn Đông Các															
21	Thôn Nam Hải	Thôn 10	1	1	0		1	1	0		1		1			
22	Thôn Đông Các		1	1	0											

STT	Thôn trước sắp xếp	Tên Thôn sau sắp xếp	Số lượng hiện có					Số lượng sử dụng				Phương án xử lý			Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa thôn	Khu thể thao	...	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Số lượng đối dư	Phương án			
												Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
23	Thôn Nam Lịch Động	Thôn 11	2	1	1		2	1	1						
24	Thôn Trung Lịch Động														
25	Thôn Bắc Lịch Động	Thôn 12	1	1	0		2	1	1		1		1		
26	Thôn Trung Lịch Động		2	1	1										
27	Thôn Đồng Vi	Thôn 13	0	0	0	sđ đình	0	0	0						
28	Thôn Bảo Châu	Thôn 14	1	0	1	sđ đình	1	0	1						
29	Thôn Đông Lệ	Thôn 15	0	0	0	sđ đình	1	0	1						
30	Thôn Anh Dũng		1	0	1	sđ đình									
31	Thôn Cổ Dũng 1	Thôn 16	1	1	0		2	1	1		1		1		
32	Thôn Cổ Dũng 2		2	1	1										
33	Thôn Thuận Túy	Thôn 17	2	1	1		2	1	1						
34	Thôn Tân Sơn	Thôn 18	2	1	1		2	1	1						
35	Thôn Trung	Thôn 19	1	1	0		1	1	0						

STT	Thôn trước sắp xếp	Tên Thôn sau sắp xếp	Số lượng hiện có				Số lượng sử dụng				Phương án xử lý				Ghi chú
			Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Tổng số	Nhà văn hóa	Khu thể thao	...	Số lượng đối dư	Phương án			
												Tiếp tục sử dụng	Chuyển giao cho quan có thẩm quyền quản lý, sử dụng	Phương án khác	
36	Thôn Bắc	Thôn 20	1	1	0		1	1	0						
37	Thôn Đông	Thôn 21	2	1	1		2	1	1						
38	Thôn Nam	Thôn 22	1	1	0		1	1	0						
	Tổng số		46	31	15	0	33	20	13	0	13	0	13	0	